

Số: 5 /QĐ-CĐYT

Tiền Giang, ngày 09 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý III năm 2020  
của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang**

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý III năm 2020 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế toán, các phòng, khoa có liên quan và cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Website; VPĐT;
- Lưu: VT, TCKT.



**KT: HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Minh Đức**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III/2020**

(Kèm theo Quyết định số *95* /QĐ-CDYT ngày *14* / *10* /2020 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                              | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                     | 3                               | 4                                  | 5=4-3      | 6                                                                                   |
| <b>A</b>   | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Lệ phí...                                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Lệ phí...                                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Phí                                                   |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Phí ...                                               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Phí ...                                               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b> |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>          |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Lệ phí...                                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Lệ phí...                                             |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                            |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Phí ...                                               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
|            | Phí ...                                               |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>B</b>   | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>28,36</b>                    | <b>28,36</b>                       | <b>-</b>   |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                     | <b>28,36</b>                    | <b>28,36</b>                       | <b>-</b>   |                                                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                         |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>            |                                 |                                    |            |                                                                                     |





|     |                                                         |              |              |          |  |
|-----|---------------------------------------------------------|--------------|--------------|----------|--|
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ          |              |              |          |  |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia              |              |              |          |  |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                    |              |              |          |  |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |              |              |          |  |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |              |              |          |  |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |              |              |          |  |
| 3   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | <b>28,36</b> | <b>28,36</b> | <b>-</b> |  |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 28,36        | 28,36        | -        |  |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |              |              |          |  |
| 4   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |              |              |          |  |
| 5   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |              |              |          |  |
| 6   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |              |              |          |  |
| 7   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |              |              |          |  |
| 8   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |              |              |          |  |
| 9   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |              |              |          |  |
| 10  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |              |              |          |  |
| II  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |              |              |          |  |
| 1   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |              |              |          |  |
| 2   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |              |              |          |  |
| 3   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |              |              |          |  |
| 4   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |              |              |          |  |
| 5   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |              |              |          |  |
| 6   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |              |              |          |  |
| 7   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |              |              |          |  |
| 8   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |              |              |          |  |
| 9   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |              |              |          |  |
| 10  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |              |              |          |  |
| III | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |              |              |          |  |
| 1   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |              |              |          |  |
| 2   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |              |              |          |  |
| 3   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |              |              |          |  |
| 4   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |              |              |          |  |
| 5   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |              |              |          |  |

|    |                                                  |  |  |  |  |
|----|--------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6  | Chi hoạt động kinh tế                            |  |  |  |  |
| 7  | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |  |  |  |
| 8  | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |  |  |  |
| 9  | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |  |  |  |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |  |  |  |

